

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28/02/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp quyền
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Phương Văn Tư.

2. Bà: Ngôn Thị Liêm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:** Bà Nông Thị Huyền Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXX-HNGĐ-ST ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn chị **Lương Thị P**, sinh năm 1999;

Nơi ĐKKHKT: xóm L - L, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Ở hiện nay: Tổ I, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn anh **Nông Hồng T**, sinh năm 2000;

Nơi ĐKKHKT: xóm L - L, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Hiện đang chấp hành án tại Trại giam H1, thành phố C, tỉnh Hải Dương. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà La Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: xóm L - L, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/08/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Lương Thị P trình bày: Chị và anh Nông Hồng T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng vào ngày 23/09/2021, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực hiện và đã được tìm hiểu nhau trước khi tiến tới hôn nhân. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, yêu thương chăm sóc nhau. Tuy nhiên, đến tháng 9 năm 2022, chị và anh T ly thân do anh T nghiện ngập, cờ bạc, đã nhiều lần đi cai nghiện nhưng vẫn không có kết quả, hiện đang đi chấp hành án tại trại giam H1. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn anh T nhưng không được. Nay chị P nhận thấy giữa hai vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Nông Hồng T. Trong thời kỳ hôn nhân, hai vợ chồng có một con chung tên Nông Tiến T1, sinh ngày 23/09/2019, hiện nay đang sống với bố mẹ của anh T. Sau khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Giữa chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2024, bị đơn Nông Hồng T xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị P trình bày là đúng. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam H1. Anh nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị P. Sau khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung là cháu Nông Tiến T1, sinh ngày 23/9/2019 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Về tài sản chung, nợ chung xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đang chấp hành án tại trại giam nên anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/12/2024, bà La Thị H cho biết: Bà là mẹ của anh Nông Hồng T, hiện bà đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh T chị P là cháu Nông Tiến T1. Nay chị P làm đơn ly hôn và có nguyện vọng nuôi con, bà không có ý kiến gì vì đó là chuyện của các con, tuy nhiên bà và gia đình vẫn mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu T1 do gia đình đã chăm sóc cháu từ nhỏ.

Tại phiên tòa: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung và các yêu cầu cần giải quyết của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện cho chị Lương Thị P được ly hôn anh Nông Hồng T;

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Tiến T1 cho chị P trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế), không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T. Các bên có quyền thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;

- Về án phí: Buộc chị P phải chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Nông Hồng T có hộ khẩu thường trú và trước khi đi chấp hành án thì cư trú tại: Xóm L - L, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn Nông Hồng T đang chấp hành án tại trại giam H1, thành phố C, tỉnh Hải Dương nên không thể có mặt tại Tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị P và bà H cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Lương Thị P yêu cầu ly hôn anh Nông Hồng T, dành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lương Thị P và anh Nông Hồng T tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 23/09/2021 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tại thời điểm đăng ký cả anh T, chị P đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện và đủ tuổi kết hôn, cũng như không thuộc một trong các trường hợp cấm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Việc đăng ký được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị P và anh T là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 đứa con chung. Tuy nhiên, do anh T đã nghiện chất ma túy, đã vi phạm pháp luật và hiện nay đang phải chấp hành án phạt tù. Từ đó, hai vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nữa. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 12/11/2024, anh T cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị P cùng nguyện vọng được nuôi con của chị. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị P và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị P và anh T có 01 con chung tên Nông Tiến T1, sinh ngày 23/09/2019, hiện nay đang sống với mẹ của anh T. Sau khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tuy hiện nay bà La Thị H đang nuôi cháu T1 cũng có đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu nếu chị P và anh T ly hôn. Nhưng theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*”. Theo đó, khi hai vợ chồng ly hôn, người trực tiếp nuôi con là một trong hai bên vợ hoặc chồng. Nếu bố mẹ của cháu T1 không còn mới xem xét đến hàng thừa kế khác để nuôi dưỡng cháu. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc được tiếp tục nuôi con chung của chị P và anh T.

Hiện nay anh T đang trong thời gian chấp hành án tại trại giam, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung. Mặt khác anh T cũng nhất trí để chị P chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần giao cháu T1 cho chị P trực tiếp chăm sóc, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T vì chị P không yêu cầu là có căn cứ. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58 và 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lương Thị P được ly hôn anh Nông Hồng T.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nông Tiến T1, sinh ngày 23/9/2019 cho chị Lương Thị P trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nông Hồng T.

Sau khi ly hôn, anh Nông Hồng T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Lương Thị P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ theo Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002725 ngày 04 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Lương Thị P, anh Nông Hồng T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan La Thị H có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã Phong Nậm;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Văn Tùng

